TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2020/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 07 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 428/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị M, sinh năm 1996

Trú tại: Xóm , xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Chu Đức T, sinh năm 1994

Trú tại: Xóm , xã P, huyện Đ, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị M và anh Chu Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M và anh Chu Đức T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị M, anh T cùng xác định có 01 con chung là Chu Thành N, sinh ngày 06/9/2014. Chị M, anh T thỏa thuận giao cho chị M trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền thăm nom con chung: Anh T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị M, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay và không vay nợ ai, không đề nghị tòa án xem xét.

- Về án phí: Chị M tự nguyện chịu 150.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0013129 ngày 27/12/2019 tại Chi cục THADS huyện Đ. Hoàn trả chị M 150.000đ số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp theo biên lai thu số 0013129 ngày 27/12/2019 tại Chi cục THADS huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- UBND xã P, huyện Đ;
Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÀO NGỌC HÀI